TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01-03-2023
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Ngọc Hiền;

2. Ông Diệp Chanh Tha;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:* Ông Trầm Văn Mừng, kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị T, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Kim Sa R (R), sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị T trình bày: Năm 2002 nhờ vào sự mai mối chị và anh Kim Sa R tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, trước sự đồng ý và cho phép tổ chức lễ cưới của hai bên gia đình. Đồng thời có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AQH, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/02/2002. Sau ngày cưới về sống bên gia đình chồng tại ấp L, xã AQH, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên đến cuối năm 2014 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng cự cãi do anh R không tôn trọng, không chăm

sóc vợ con hay xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của vợ. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hai bên không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Trong quá trình chung sống về con chung có hai người con tên Kim T, sinh ngày 15/10/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Kim Thị Thúy H, sinh ngày 10/11/2014 yêu cầu được nuôi dưỡng khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung thì không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến nay nhận thấy hai bên không thể hàn gắn được và không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kim Sa R.

Đối với bị đơn anh Kim Sa R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 12/12/2022 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn về vấn đề hôn nhân được bà Kim Thị N, là mẹ ruột của anh R cho biết giữa chị T và anh R cưới nhau và được bà cho xây dựng nhà trên phần đất của bà tại ấp L, xã AQH. Trong quá trình chung sống có hai người con tên Kim T, sinh ngày 15/10/2003 (đã trưởng thành, có vợ con) và Kim Thị Thúy H, sinh ngày 10/11/2014 hiện nay đi theo mẹ là Kim Thị T ở bên ngoại. Hai vợ chồng con của bà mâu thuẫn từ năm 2014, 2015 cho đến nay có hàn gắn nhưng không được. Nay con dâu là Kim Thị T xin ly hôn thì bà không có ý kiến, tùy thuộc hai con và quy định của pháp luật.

Cháu Kim Thị Thúy H có nguyện vọng được sống với với mẹ là chị T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng. Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất không có lý do vi phạm các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Kim Thị T được ly hôn với anh Kim Sa R.

Về con chung: Giao cháu Kim Thị Thuý H, sinh ngày 10/11/2014 cho chị T nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn được sống chung với chị T, anh R không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra cũng như kết quả xác minh, sự vắng mặt của bị đơn cùng với việc xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu giải quyết của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần hai đều không có lý do mặc dù được tống đạt hợp lệ nhưng anh R cũng không có ý kiến gì gởi cho Tòa án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình từ cuối năm 2014 giữa hai đương sự đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay và hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh R xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống có hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2014 phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng thường cãi nhau, hai bên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành và hiện nay mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và thực tế giữa hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được, quan hệ hôn nhân đã thật sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Kim T, sinh ngày 15/10/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và người con tên Kim Thị Thúy H, sinh ngày 10/11/2014. Quá trình giải quyết cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ là chị T và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] *Về án phí:* Chị Kim Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Kim Sa R không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ tR;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 51; 53; 56; 57; 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị T được ly hôn với anh Kim Sa R (R).

2. Về con chung: Giao cháu Kim Thị Thuý H, sinh ngày 10/11/2014 cho chị T nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn được sống chung với chị T, anh R không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con tên Kim T, sinh ngày 15/10/2003 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng. Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản và quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0012620, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã nộp xong. Anh Kim Sa R không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tấn